

Bản án số: 65/2018/HS-ST

Ngày: 13-12-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Tuấn Dũng

Ông Hà Minh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Vũ Văn Duân - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Trịnh Thị H, sinh ngày 10/12/1982 tại tỉnh Thái Bình.

ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 23, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp khi phạm tội: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (Hiện đang bị tạm đình chỉ công tác theo Quyết định số 07/QĐ-VKS ngày 13/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên); trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Đảng, đoàn thể: là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 13/9/2018 bị Ủy ban kiểm tra Thành ủy Thái Nguyên khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 114/QĐ-KT; Con ông: Trịnh Văn H1, sinh năm 1956 và bà: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1962; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Có chồng là Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1981 và có 02 con. Con lớn 12 tuổi, con nhỏ 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/4/2018 đến 18/4/2018; bị cáo hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 31/8/1996 (có mặt)

Trú tại: Xóm GM, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

*Người chứng kiến:

1) Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1941 (có mặt)

Trú tại Tổ 18, phường TV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2) Chị: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Trú tại : Tổ 21, phường TV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trịnh Thị H là Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án Ngô Thiên V về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quyết định số 102/KSĐT ngày 19/01/2018 và Quyết định số 156/QĐ-VKSTPTN ngày 29/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên. Chiều ngày 14/3/2018 khi thực hiện phúc cung bị can Ngô Thiên V, V đã nhờ H giúp cho được xử mức hình phạt nhẹ nhất, H bảo sẽ xem xét theo quy định của pháp luật và hỏi gia đình có ai quan tâm đến Ngô Thiên V không. Bị cáo V nói có Nguyễn Thị V là người chung sống như vợ chồng với bị cáo quan tâm đến, đồng thời cho H số điện thoại của Nguyễn Thị V, sinh năm 1996, trú tại phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên để nhờ H liên lạc với chị V lo cho Ngô Thiên V. Khi về H đã gọi điện cho Nguyễn Thị V và nói mình là người giải quyết vụ án của Ngô Thiên V, hẹn chị V chiều hôm sau đến gặp.

Chiều ngày 15/3/2018, Nguyễn Thị V đến trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên gặp H. Tại đây, H nói với Nguyễn Thị V là Ngô Thiên V nhờ H bảo với chị V lo cho Ngô Thiên V được xử nhẹ và gợi ý nếu cần thì H giúp. Chị V hỏi H cần phải lo bao nhiêu tiền, H bảo sẽ trao đổi với bên Tòa án xem thế nào. Ngoài nội dung trao đổi trên, Nguyễn Thị V nhờ H hướng dẫn thủ tục thăm gặp Ngô Thiên V và để cho cậu ruột của Ngô Thiên V là Nguyễn Văn Q đứng tên (vì chị V không có đăng ký kết hôn với Ngô Thiên V nên không được thăm gặp). Theo hướng dẫn của H, chị V làm đơn và mang lên nộp cho văn thư của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên. Khi được lãnh đạo phân công nghiên cứu đơn, H đề xuất cho thăm gặp theo quy định trình lãnh đạo duyệt rồi đưa cho Nguyễn Thị V đi thăm Ngô Thiên V. Sau sự việc này Nguyễn Thị V đưa 1.000.000đ cho Trịnh Thị H cảm ơn, H nhận và chi tiêu cá nhân hết.

Khi được gặp Ngô Thiên V hỏi Nguyễn Thị V có ai tên H ở Viện kiểm sát liên lạc chưa. Chị V bảo đã gặp H và hỏi lại Ngô Thiên V có đồng ý để chị V lo tiền đưa cho H nhờ giúp giảm nhẹ hình phạt không. Ngô Thiên V đồng ý.

Ngày 28/3/2018, chị V đi gặp H nhờ giúp cho Ngô Thiên V thì H cho biết Tòa án sẽ đưa vụ án Ngô Thiên V đi xét xử lưu động. Nếu như vậy có thể sẽ bị xử nặng hơn bình thường và gợi ý nếu cần thì H sẽ nhờ Tòa án giúp để Ngô Thiên V không bị đưa đi xét xử lưu động. Chị V đồng ý và hỏi để lo cho Ngô Thiên V được xử ở mức án 12 tháng tù thì cần phải đưa bao nhiêu tiền, H nói 25.000.000đ và thêm 2.000.000đ là để không bị đưa đi xét xử lưu động. Chị V đồng ý và bảo sẽ lo tiền để đưa cho H.

Ngày 09/4/2018, chị V đi gặp H trình bày hoàn cảnh khó khăn chỉ lo được 10.000.000đ, H bảo đã nhờ Tòa án cho Ngô Thiên V không bị đưa đi xét xử lưu động và gợi ý chị V đưa tiền cho H về việc này, còn mức án sẽ xem xét. Khi về, chị V đã đến trụ sở Công an thành phố Thái Nguyên tố cáo hành vi của H.

Sáng ngày 10/4/2018, chị V điện thoại hẹn gặp H tại trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, sau đó một lúc chị V gọi lại nói bị ngã xe và hẹn gặp tại địa điểm bị ngã xe khu vực ngã tư giao nhau giữa đường HV và đường NT thuộc tổ 18, phường TV, thành phố TN. Khi H ra gặp thì chị V đã đưa cho H một tập tiền loại mệnh giá 500.000đ nói là 17 triệu đồng, H cầm tiền cất vào túi bên trái áo khoác đang mặc thì bị Tổ công tác Công an thành phố Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ số tiền 17.000.000đ và 01 điện thoại di động của H.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Trịnh Thị H đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Tuy nhiên bị cáo H cho biết chỉ mới trao đổi với chị V là giúp cho Ngô Thiên V không phải đưa đi xét xử lưu động và được xử nhẹ sau đó nhận tiền của chị V chứ chưa nhờ ai bên Tòa án hay Lãnh đạo Viện kiểm sát. Ý định của H là khi báo cáo đề xuất về vụ án Ngô Thiên V, sẽ đề xuất mức án cho Ngô Thiên V từ 12 – 15 tháng tù giam, nếu Lãnh đạo đồng ý thì H sẽ lấy toàn bộ số tiền để sử dụng cá nhân. Tuy nhiên H được giao nhiệm vụ kiểm sát điều tra, kiểm sát viên xét xử vụ án, việc thỏa thuận của H và Nguyễn Thị V về việc đưa và nhận hối lộ đã hoàn thành, H đã nhận tiền từ chị V và bị bắt quả tang.

Nguyễn Thị V còn khai đã đưa cho Trịnh Thị H 10.000.000đ trước đó và vài ngày sau đưa tiếp 17.000.000đ thì bị bắt, tuy nhiên quá trình điều tra không có cơ sở xác định việc H đã nhận 10.000.000đ của Nguyễn Thị V.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 17 triệu đồng và 01 điện thoại di động của Trịnh Thị H; 02 điện thoại di động của Nguyễn Thị V; 1.000.000đ do Trịnh Thị H giao nộp cho Cơ quan điều tra; 02 USB sao file ghi âm cuộc trao đổi, thỏa thuận giữa bị cáo và Nguyễn Thị V.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định số 18/VKSTC-C1(P3) ngày 14/5/2018 giám định nội dung lời thoại trong USB và xác định giọng nói của Trịnh Thị H, Nguyễn Thị V. Kết luận giám định số 139/C54 (P6) ngày 12/6/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã dịch lời thoại ra văn bản có nội dung phù hợp với lời khai của Trịnh Thị H và Nguyễn Thị V; do mẫu giám định kém nên không đủ điều kiện đưa ra kết luận là tiếng nói của H và Nguyễn Thị V.

Bản cáo trạng số 123/VKSTC-V6, ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố bị cáo Trịnh Thị H về tội “Nhận hối lộ” quy định tại khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trịnh Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo,

xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Trịnh Thị H phạm tội “Nhận hối lộ”; áp dụng khoản 1 Điều 354; điểm s,v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị H từ 24 tháng đến 27 tháng tù; Về vật chứng vụ án: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 18.000.000đ và 01 điện thoại thu giữ của bị cáo H; trả cho chị Nguyễn Thị V 02 điện thoại; áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, buộc bị cáo Trịnh Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tranh luận: Số tiền 17.000.000đ tôi đưa cho bị cáo H là tài sản của tôi đề nghị trả lại cho tôi.

Viện kiểm sát đối đáp: Theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quy định đây là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội, do hành vi phạm tội mà có nên phải tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Lời nói sau cùng bị cáo rất ân hận với việc mình đã làm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo hiện nay và mở lượng khoan hồng cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Trịnh Thị H thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố đối với bị cáo là đúng không oan. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định của Cục phát hành và kho quỹ Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Kết luận của Viện khoa học hình sự – Bộ Công an, phù hợp với những tài liệu chứng cứ khác. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Trịnh Thị H nguyên là kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án Ngô Thiên V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Trịnh Thị H đã có hành vi nhận số tiền 17.000.000đ của Nguyễn Thị V là người chung sống như

vợ chồng với Ngô Thiên V, mục đích để lo cho Ngô Thiên V được xử với mức án nhẹ và không bị đưa đi xét xử lưu động.

Với hành vi trên bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố bị cáo Trịnh Thị H về tội “Nhận hối lộ” quy định tại khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Điều luật quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 100.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, uy tín của các cơ quan tố tụng, làm mất lòng tin của nhân dân vào quá trình tiến hành tố tụng của các cơ quan Tư pháp. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xét xử nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự, để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn, ăn năn hối cải khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được tặng thưởng Bằng khen, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt xét xử bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt, động viên bị cáo cải tạo tốt sớm trở về với gia đình xã hội làm người có ích, thể hiện tính khoan hồng trong pháp luật Nhà nước ta.

Vật chứng vụ án: Hai chiếc điện thoại thu giữ của chị V cơ quan điều tra đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra nay đã xong cần trả lại cho chị V; chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo H liên quan đến việc bị cáo giao dịch để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước; số tiền 1.000.000đ bị cáo tự nguyện nộp và số tiền 17.000.000đ tạm giữ của bị cáo khi bị bắt là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Theo chị V khai trước đó chị V có đưa cho bị cáo số tiền 10.000.000đ, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ chứng minh, tại phiên tòa hôm nay chị V cũng thừa nhận không có căn cứ và không có ý kiến gì.

[5] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về hành vi nhận số tiền cám ơn của Nguyễn Thị V, bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra, hành vi này đã vi phạm những điều cấm bộ, công

chức không được làm, cơ quan điều tra đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định đến nay bị cáo đã bị tạm đình chỉ công tác.

Đối với hành vi đưa hối lộ của Nguyễn Thị V do chị V đã chủ động khai báo với Cơ quan điều tra trước khi vụ án bị phát hiện, tích cực hợp tác làm rõ vụ án nên cơ quan điều tra không xử lý với chị V là đúng quy định.

Như phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Thị H phạm tội “Nhận hối lộ”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 354; điểm s,v khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trịnh Thị H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án này được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/4/2018 đến ngày 18/4/2018

2. Vật chứng vụ án: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 bì còn nguyên vẹn có chữ ký của các thành phần liên quan và 03 hình dấu của công an Thành phố Thái nguyên, bên ngoài ghi có điện thoại của Trịnh Thị H và 18.000.000đ (mười tám) triệu đồng.

+ Trả cho Nguyễn Thị V 01bì niêm phong còn nguyên vẹn có chữ ký của các thành phần liên quan và 03 hình dấu của Công an thành phố Thái nguyên, bên ngoài ghi có điện thoại Iphone 8 Plus của Nguyễn Thị V; 01 bì niêm phong còn nguyên vẹn có chữ ký của các thành phần liên quan và hình dấu của Công an thành phố Thái nguyên, bên ngoài ghi có 01 điện thoại Nokia của Nguyễn Thị V.

(Hiện nay vật chứng có tại tài khoản và kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2018 và ủy nhiệm chi ngày 09/10/2018).

* Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí . Bị cáo Trịnh Thị H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TANDTC; TANDCC;SởTP;
- VKSNDCC; VKSND tỉnhTN;
- CA tỉnh TN;
- Cục THADStỉnhTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Phương

